**ENTERING THE WORLD**

Day 2

**AL:**  
Chào bác Mã, cháu lại đến..

**MTS:**(Bác Mã đang ngồi bên bàn trà, nhìn ra ngoài cửa sổ nơi những vạt nắng chiều bắt đầu nghiêng nghiêng. Nghe tiếng Avery, bác quay lại, nụ cười hiền hậu nở trên môi.)

Chào cháu, Avery. Mời cháu vào ngồi. Bác cũng vừa pha ấm trà mới đây.

(Bác ra hiệu mời Avery ngồi xuống chiếc ghế đối diện, rồi từ tốn rót một chén trà nóng, khói bay lên nghi ngút, mang theo hương thơm thoang thoảng của lá trà núi.)

Vậy là hôm nay, chúng ta lại tiếp tục câu chuyện dang dở của ngày hôm qua. Ba mươi năm vân du tầm đạo, quả thực là một quãng đời dài với biết bao thăng trầm, cháu nhỉ. Như hôm qua bác có kể sơ qua, hành trình đó không chỉ là những ngày tháng đối mặt với đói rét, bệnh tật, hiểm nguy, mà còn có cả những lúc được chứng kiến những điều phi thường, những kỳ ngộ khó tin, và cả những lần tưởng chừng như đã chạm đến đích rồi lại nhận ra mình vẫn còn cách xa lắm.

(Bác nhấp một ngụm trà, ánh mắt nhìn xa xăm, như đang quay trở lại với những năm tháng gian truân nhưng cũng đầy màu sắc ấy.)

**AL:**

Vâng, cháu đang rất háo hức được nghe bác kể...

Bác có thể theo trình tự thời gian được không? Ah mà.. thôi bác cứ kể chuyện nào bác nhớ ra trước được thì kể chuyện đó, vì cháu nghĩ năm tháng trôi đí, nhiều điều có thể đã bị quên mất…

**MTS:**(Bác Mã mỉm cười, gật đầu.)

Cháu nói phải. Ba mươi năm là một khoảng thời gian dài, ký ức cũng có lúc đậm lúc nhạt, có những chuyện nhớ rõ mồn một, có những chuyện lại chỉ còn là những mảnh ghép mơ hồ. Bác sẽ cố gắng kể lại những gì còn ghi dấu sâu đậm nhất trong tâm trí, những bước ngoặt, những trải nghiệm đã thực sự tác động đến con đường tìm đạo của bác. Còn trình tự thời gian, có lẽ sẽ không hoàn toàn răm rắp được, mà cứ theo dòng hồi tưởng, chuyện nào đến trước thì mình kể trước, cháu nhé. Miễn sao nó vẫn giữ được cái mạch chính của cuộc hành trình.

(Bác đặt chén trà xuống, nhìn Avery với ánh mắt khích lệ.)

Nói về những điều phi thường đã củng cố đức tin, thì có lẽ, một trong những ấn tượng mạnh mẽ nhất với bác là lần được tận mắt chứng kiến một vị Lạt ma Tây Tạng tọa hóa.

Đó là vào khoảng những năm... à, chắc cũng phải hơn mười năm sau khi bác rời nhà đi tu. Lúc đó, bác đang lang thang ở một vùng hẻo lánh trên cao nguyên Thanh Tạng. Không khí ở đó rất đặc biệt, trong lành và tĩnh lặng, người dân thì vô cùng mộ đạo. Một hôm, khi đến một ngôi làng nhỏ, bác nghe người dân xôn xao bàn tán rằng có một vị Lạt ma đức cao vọng trọng sắp viên tịch, và ngài sẽ có một buổi giảng Pháp cuối cùng trước khi tọa hóa.

Lòng hiếu kỳ và cũng là một niềm mong mỏi được diện kiến bậc chân tu, bác tìm đến nơi vị Lạt ma đang ở. Khi bác đến nơi thì buổi giảng Pháp dường như đã kết thúc rồi. Vị Lạt ma, trông ngài cũng đã rất cao tuổi, gương mặt phúc hậu, đang ngồi thiền trên một bệ đá, vẻ mặt vô cùng an nhiên, tĩnh tại. Xung quanh có một vài đệ tử và dân làng đang ngồi im lặng, không khí trang nghiêm vô cùng.

Bác cũng tìm một chỗ, lặng lẽ ngồi xuống, lòng thầm mong có được chút duyên lành. Bỗng nhiên, vị Lạt ma đang nhắm mắt thiền định từ từ mở mắt ra. Ánh mắt của ngài sáng một cách lạ thường, nhìn thẳng về phía bác. Bác có chút giật mình, không hiểu sao ngài lại nhìn mình. Ngài không hề mở miệng, nhưng bác lại nghe rất rõ một giọng nói ấm áp, từ bi vang lên trong đầu mình: "Con đường còn dài, hãy kiên định."

Bác ngỡ ngàng, chưa kịp hiểu chuyện gì xảy ra thì vị Lạt ma đã khẽ mỉm cười, rồi từ từ nhắm mắt lại, tiếp tục nhập định. Tim bác lúc đó đập rất nhanh, vừa kinh ngạc, vừa cảm động. Lời nhắn nhủ đó, tuy ngắn ngủi, nhưng như một luồng năng lượng mạnh mẽ truyền vào tâm trí bác, xua tan đi bao mệt mỏi, hoài nghi tích tụ bấy lâu.

Khoảng năm phút sau, một cảnh tượng kỳ diệu đã xảy ra ngay trước mắt bác và tất cả mọi người có mặt. Thân thể vị Lạt ma đang ngồi thiền bỗng nhiên phát ra một luồng ánh sáng ngũ sắc rực rỡ, lan tỏa ra xung quanh. Ánh sáng đó ngày càng mạnh, rồi từ từ, thân thể của ngài như thu nhỏ lại, nhỏ dần, nhỏ dần... cho đến khi chỉ còn lại một vầng hào quang hình cầu vồng, sáng chói nhưng không hề chói mắt. Vầng hào quang đó lơ lửng một lúc rồi từ từ bay lên cao, tan biến vào bầu trời xanh thẳm, không để lại một chút di thể nào.

Tất cả mọi người có mặt đều sững sờ, rồi đồng loạt quỳ xuống đảnh lễ. Bác cũng quỳ xuống, nước mắt cứ thế trào ra. Lần đầu tiên trong đời, bác được tận mắt chứng kiến một sự ra đi siêu thoát đến như vậy. Không còn nghi ngờ gì nữa, thế giới này thực sự có Thần Phật, có những bậc tu luyện đã đạt đến cảnh giới phi thường. Lời nhắn nhủ của vị Lạt ma trước lúc tọa hóa càng làm bác tin rằng, con đường mình đang đi, dù gian khổ, nhưng là có ý nghĩa, và mình phải kiên định bước tiếp.

Sự kiện đó đã khắc sâu vào tâm trí bác, trở thành một trong những động lực lớn lao nhất, giúp bác vượt qua bao nhiêu khó khăn, thử thách trong những năm tháng sau này. Mỗi khi nản lòng, bác lại nhớ đến vầng hào quang cầu vồng ấy, nhớ đến lời dặn "Con đường còn dài, hãy kiên định."

(Bác Mã ngừng lại, giọng có chút xúc động. Chén trà trên tay đã nguội tự lúc nào.)

**AL:**Ôi, cảnh tượng đó thật rung động... Cháu cũng đã từng đọc trên Internet về hiện tượng toạ hoá như này, nhưng đây là lần đầu cháu được nghe kể…

**MTS:**(Bác Mã khẽ gật đầu, ánh mắt vẫn còn phảng phất sự xúc động của ký ức.)

Đúng vậy, Avery à. Có những điều, nếu chỉ đọc qua sách vở hay nghe người khác kể lại, ta có thể bán tín bán nghi. Nhưng khi đã tận mắt chứng kiến, trải nghiệm bằng chính các giác quan của mình, thì niềm tin đó nó trở nên sắt đá, không gì lay chuyển nổi.

Cũng trong những năm tháng lang thang ở vùng núi non Himalaya, bác còn có một lần may mắn được thấy một cảnh tượng phi thường khác. Lần đó, bác đang đi qua một vùng núi hẻo lánh ở Nepal. Nơi đó núi non trùng điệp, mây trắng vờn quanh đỉnh, không khí thanh khiết vô cùng. Trước khi đến đó, bác cũng có nghe loáng thoáng từ những người hành hương khác và cả dân địa phương kể về một "vị sư bay" kỳ lạ. Họ nói rằng, thỉnh thoảng ở vùng núi này lại có người nhìn thấy một vị sư già, không rõ lai lịch từ đâu tới, có khả năng bay lượn nhẹ nhàng từ đỉnh núi này sang đỉnh núi khác như một chiếc lá. Có người nói ngài là một vị Bồ Tát hóa thân, có người lại cho rằng đó là một vị chân tu đã đắc đạo từ nhiều đời. Những câu chuyện đó, bác nghe thì nghe vậy, cũng không quá để tâm, vì trên đường đi, chuyện kỳ lạ nghe được cũng nhiều.

Cho đến một buổi chiều, khi đang tìm đường trong một thung lũng vắng, bác tình cờ nhìn lên một sườn núi cao. Bác thấy một vị sư già, dáng người nhỏ nhắn, đang đứng ung dung trên một mỏm đá chìa ra. Điều khiến bác chú ý là vẻ thanh thoát, nhẹ nhàng của vị ấy, như không hề bị sức nặng của thân thể níu giữ. Tim bác chợt đập nhanh hơn, một linh cảm mách bảo có điều gì đó đặc biệt.

Bỗng nhiên, vị sư đó khẽ nhún người, rồi từ từ bay lên, nhẹ như một chiếc lá. Ngài không bay vút lên cao, cũng không bay nhanh, mà cứ lơ lửng, từ từ di chuyển từ đỉnh núi bên này sang đỉnh núi bên kia, cách nhau cả một quãng thung lũng sâu. Dáng vẻ của ngài ung dung, tự tại, như đang đi dạo trên không trung vậy. Tà áo cà sa của ngài bay phất phơ trong gió, trông như một cánh bướm lớn.

Bác đứng đó, nín thở nhìn theo, không dám tin vào mắt mình. Cảnh tượng đó chỉ diễn ra trong vài phút, rồi vị sư đáp nhẹ xuống một mỏm đá bên kia sườn núi, rồi thong thả đi khuất vào trong một lùm cây.

Khi vị sư đã đi khuất, bác mới hoàn hồn. Trong lòng vừa kinh ngạc, vừa thán phục vô cùng. Bác biết mình vừa được chứng kiến một công năng đặc dị, một khả năng mà chỉ những người tu luyện đạt đến cảnh giới rất cao mới có được. Lúc này, những lời đồn đại bác nghe trước đó không còn là chuyện hoang đường nữa. Bác không dám đi theo hay tìm cách làm phiền vị sư đó, vì biết rằng đó là duyên may hiếm có, chỉ để mình thấy mà củngedố thêm niềm tin. Ngài xuất hiện và biến mất như một huyền thoại, không để lại dấu vết.

Những kỳ ngộ như vậy, tuy không trực tiếp chỉ dạy cho bác pháp môn nào, nhưng nó có tác dụng rất lớn. Nó cho bác thấy rằng, những điều mà kinh sách cổ nói về Thần thông, về những khả năng siêu thường của người tu luyện là hoàn toàn có thật. Nó làm cho cái đích mà bác đang tìm kiếm trở nên hiện hữu hơn, cụ thể hơn, chứ không còn là một khái niệm mơ hồ nữa. Nó tiếp thêm cho bác sức mạnh để tiếp tục cuộc hành trình, dù biết rằng con đường đến đó còn xa xôi và gian nan lắm.

(Bác Mã khẽ thở dài, rồi mỉm cười nhìn Avery.)

Đó là những may mắn, cháu ạ. Nhưng không phải lúc nào cũng được chứng kiến những điều phi thường như vậy. Phần lớn thời gian, bác vẫn phải đối mặt với những thực tại trần trụi, với những lời từ chối, những sự thất vọng khi đi tìm thầy học đạo.

**AL:**

Vâng, với những người tu luyện như chúng ta, nói về hiện tượng bay lên thì không có gì ngạc nhiên lắm, nhưng với người chưa bước vào tu luyện thì khi nghe được thì bán tin bán nghi, có khi nhìn thấy cũng cho rằng ảo giác hoặc trò ảo thuật…

**MTS:**(Bác Mã gật đầu, vẻ mặt đồng tình.)

Cháu nói rất đúng. Với người thường, những chuyện như vậy quả thực khó mà tin được. Họ sẽ cho là ảo giác, là bịa đặt, hoặc cùng lắm là một trò ảo thuật tinh vi nào đó. Bởi vì nó vượt quá những gì mà khoa học thực chứng hiện nay có thể giải thích, vượt quá những quy luật vật lý mà họ được học.

Nhưng với người đã bước chân vào con đường tu luyện, đã từng có những trải nghiệm dù là nhỏ nhất về thế giới tâm linh, về sự vận hành của năng lượng, của tâm thức, thì những điều đó lại không còn quá xa lạ. Chúng ta hiểu rằng, vũ trụ này còn ẩn chứa vô vàn điều bí ẩn, những quy luật cao hơn mà con người với nhận thức hạn hẹp của mình chưa thể nào chạm tới.

Cũng chính vì thế, những kỳ ngộ như vậy, dù không trực tiếp giúp bác tìm ra pháp môn cụ thể, nhưng nó lại như những ngọn đuốc soi đường, giữ cho ngọn lửa cầu đạo trong bác không bao giờ tắt. Nó nhắc nhở bác rằng, những gì mình đang tìm kiếm là có thật, là đáng để mình đánh đổi, kiên trì.

Và như bác vừa nói, không phải lúc nào cũng là những điều kỳ diệu. Hành trình tìm thầy học đạo của bác phần lớn là những chuỗi ngày hy vọng rồi lại thất vọng. Bác đã tìm đến không biết bao nhiêu ngôi chùa lớn, đạo quán nổi tiếng, nghe danh ở đâu có cao tăng, đạo sĩ đức độ là bác lại tìm đến, thành tâm xin được làm đệ tử.

Có những vị, sau khi nghe bác trình bày tâm nguyện, họ chỉ nhìn bác hồi lâu rồi nhẹ nhàng từ chối: "Duyên của con không ở chốn này, Thích Trường Hành à. Con đường của con còn xa và rộng hơn những gì nơi đây có thể mang lại."

Có vị lại nói: "Ta cảm nhận được tâm cầu đạo tha thiết của con. Nhưng ta không đủ uy đức để dẫn dắt con đâu. Sư phụ chân chính của con vẫn đang đợi con ở phía trước. Hãy cứ đi, đừng dừng lại."

Lại có những bậc chân tu, sau khi bác dập đầu bái lạy, bày tỏ hết nỗi lòng, họ chỉ im lặng một lúc rồi nói: "Hãy tiếp tục đi. Khi tâm con đủ tĩnh, khi duyên phận của con đã tròn, con sẽ nghe thấy tiếng gọi. Lúc đó, con sẽ biết mình phải làm gì."

Những lời từ chối khéo léo đó, cháu ạ, ban đầu nó làm bác thất vọng lắm. Cảm giác như mình cứ đi mãi, đi mãi mà không thấy đích, không tìm được một nơi nương tựa. Nhưng rồi, khi ngẫm lại, bác lại thấy trong những lời từ chối ấy ẩn chứa một sự từ bi, một sự chỉ dẫn ngầm. Họ không nhận bác, không phải vì bác không có tâm, mà vì duyên của bác chưa tới, hoặc pháp môn của họ không phải là cái mà bác thực sự cần tìm.

Chính những lời nói ẩn ý đó lại càng làm bác thêm tin rằng, có một sự an bài đặc biệt nào đó dành cho mình. Rằng vị Chân Sư, Đại Pháp mà vị cao tăng trong mơ nhắc đến, vẫn đang ở đâu đó chờ đợi. Và nhiệm vụ của bác là phải tiếp tục đi, tiếp tục tôi luyện bản thân, cho đến khi nào đủ duyên thì mới gặp được.

Cái cảm giác vừa thất vọng, vừa có chút hy vọng le lói, nó cứ đan xen, theo bác suốt những năm tháng dài. Nó cũng là một thử thách lớn cho sự kiên định của bác. Bởi vì nếu không có một ý chí sắt đá, không có một niềm tin vững chắc vào lời hứa ban đầu, có lẽ bác đã bỏ cuộc từ lâu rồi.

(Bác Mã ngừng lại, rót thêm trà vào chén của mình và của Avery. Ánh mắt bác trầm tư, nhìn vào làn khói mỏng manh bốc lên từ chén trà, như đang nhìn thấy lại những ngả đường, những gương mặt đã qua trong suốt ba mươi năm.)

**AL:**

Vâng, trong những lần bị "từ chối" đó, bác còn nhớ chi tiết hơn 1-2 lần đó không? Khi bị các vị đạo sư đó từ chối, bác có hỏi họ là, "nếu không được thu làm đệ tử, thì có thể cho con tạm tá túc một thời gian để được nghe Thầy giảng Pháp được không?"

**MTS:**(Bác Mã gật đầu chậm rãi, ký ức lại ùa về, rõ ràng như mới hôm qua.)

Có chứ cháu. Những lần bị từ chối đó, nó khắc sâu lắm, vì mỗi lần như vậy là một lần hy vọng rồi lại hụt hẫng. Và đúng như cháu hỏi, không phải lúc nào bác cũng cam chịu rời đi ngay. Với tấm lòng khao khát học đạo, bác cũng đã từng cố gắng nài xin.

Bác nhớ có một lần, khi tìm đến một ngọn núi nổi tiếng ở vùng Hồ Nam, nơi nghe đồn có một vị đạo trưởng ẩn tu đã nhiều năm, đạo hạnh rất cao. Sau nhiều ngày tìm kiếm, cuối cùng bác cũng gặp được ngài trong một thảo am đơn sơ, nằm khuất sau một rừng trúc. Vị đạo trưởng đó tuổi đã ngoài bảy mươi, nhưng dáng vẻ vẫn còn quắc thước, ánh mắt sáng như sao.

Sau khi bác thành tâm dập đầu, kể lại hành trình và tâm nguyện của mình, xin được làm đệ tử, vị đạo trưởng chỉ im lặng nhìn bác rất lâu. Cái nhìn của ngài như xuyên thấu tâm can. Rồi ngài chậm rãi nói: "Thấy được tấm lòng của con. Nhưng duyên sư đồ của chúng ta chưa đủ. Con đường con phải đi không nằm ở đây."

Lòng bác lúc đó chùng xuống. Nhưng bác vẫn cố gắng níu kéo: "Thưa Đạo trưởng, nếu con không đủ duyên làm đệ tử, xin Người từ bi cho con được ở lại đây một thời gian, làm công quả, hầu hạ Người, chỉ mong mỗi ngày được nghe Người giảng một vài lời về Đạo, để con được mở mang thêm chút ít. Con không dám mong cầu gì hơn."

Vị đạo trưởng vẫn giữ vẻ bình thản, ngài lắc đầu: "Ta không có gì nhiều để dạy con cả. Những gì con cần học, con sẽ phải tự mình trải nghiệm, tự mình ngộ ra trên con đường của chính con. Ở lại đây, e rằng sẽ làm chậm bước chân của con." Ngài nói thêm một câu đầy ẩn ý: "Nước muốn trong thì phải chảy, lửa muốn sáng thì phải cháy. Con hãy cứ đi, đừng sợ gian khó."

Nghe vậy, bác biết là không thể nài ép thêm được nữa. Dù rất buồn và thất vọng, nhưng bác cũng cảm nhận được sự từ bi trong lời nói của ngài. Ngài không muốn bác an phận ở một chỗ, mà muốn bác tiếp tục hành trình, bởi vì có lẽ, sự an bài cho bác là phải như vậy. Bác đành cúi đầu tạ ơn rồi buồn bã rời đi, trong lòng lại thêm một câu hỏi lớn: "Vậy thì nơi nào mới là bến đỗ của mình?"

Một lần khác, ở một ngôi cổ tự trên núi Nga Mi, Tứ Xuyên. Nơi đây phong cảnh hữu tình, lại là một trong tứ đại danh sơn Phật giáo. Bác tìm gặp được vị phương trượng, một nhà sư tướng mạo uy nghiêm, giới luật tinh nghiêm. Bác cũng tha thiết xin được xuất gia tu học tại chùa. Vị phương trượng lắng nghe rất chăm chú, rồi ngài nói: "Ta thấy con có căn cơ, có tâm cầu Pháp. Nhưng chùa này, với những nghi lễ, kinh kệ hằng ngày, e rằng không phải là nơi con có thể tìm thấy cái con thực sự muốn. Pháp của con không nằm trong những pho kinh này, cũng không nằm trong những tiếng chuông mõ sớm chiều."

Bác cũng ngỏ ý xin được ở lại chùa làm tạp dịch, chỉ mong được gần gũi Tam Bảo, được thấm nhuần Phật Pháp. Nhưng vị phương trượng xua tay: "Con đường của con là con đường của gió, phải đi xa mới thấy được trời cao biển rộng. Ở đây như chim trong lồng, dù được chăm sóc tốt, cũng không thể nào tung bay thỏa chí. Nghiệp lực của con cần phải được tiêu trừ qua những thử thách thực tế giữa dòng đời, chứ không phải bằng việc tụng kinh trong tĩnh lặng."

Ngài còn nói thêm: "Sư phụ thật sự của con, ngài ấy có một pháp môn vô cùng vi diệu, có thể giúp con thực sự giải thoát. Hãy kiên trì tìm kiếm. Khi duyên đến, con sẽ gặp."

Những lời từ chối như vậy, dù không cho bác một câu trả lời cụ thể, nhưng nó lại như những lời tiên tri, những lời động viên, giúp bác không từ bỏ hy vọng. Nó khiến bác hiểu rằng, có lẽ hành trình của mình là một sự chuẩn bị đặc biệt, để khi gặp được Chân Sư, gặp được Đại Pháp, mình mới có đủ tâm tính, đủ sự trân quý để đón nhận. Mỗi lần bị từ chối, dù buồn, nhưng bác lại tự nhủ, đó là một thử thách nữa mình cần phải vượt qua, một bước nữa trên con đường dài.

(Bác Mã ngừng lời, khẽ day trán. Những ký ức này, dù là về sự thất vọng, nhưng giờ đây nhìn lại, bác lại thấy trong đó ẩn chứa những ý nghĩa sâu xa của sự an bài.)

**AL:**

Vậy, trong những năm tháng đằng đẵng đi cầu đạo, bác có gặp những người cùng chi hướng giống bác không? Tức là họ cũng là người đang đi tìm Pháp…

**MTS:**(Bác Mã gật đầu, một nụ cười nhẹ thoáng trên môi, nụ cười của sự đồng cảm với những người cùng cảnh ngộ.)

Có chứ cháu, nhiều lắm. Trên con đường vạn dặm đó, cô độc là thường tình, nhưng cũng có những lúc bác may mắn gặp được những người bạn đồng hành, những người cùng chung một chí hướng, cùng mang một nỗi niềm trăn trở đi tìm đạo. Họ đến từ nhiều nơi, hoàn cảnh khác nhau, có người là thư sinh bỏ bút, có người là nông dân chất phác, có cả những người từng có địa vị trong xã hội nhưng rồi cũng từ bỏ tất cả để lên đường.

Mỗi người một vẻ, một cách thức tìm kiếm. Có người thì chuyên tâm vào việc nghiên cứu kinh sách, mong tìm ra chân lý từ trong đó. Có người lại thiên về thực hành các pháp môn thiền định, khổ luyện thân thể. Lại có người như bác, cứ lang thang từ chùa này sang đạo quán khác, với hy vọng mong manh gặp được minh sư.

Bác nhớ có một lần, khi đang ở vùng Tứ Xuyên, trên đường cố gắng đi về phía Tây Tạng, bác gặp một người đàn ông trông khắc khổ nhưng ánh mắt lại sáng vô cùng. Anh ta đang thực hiện một hình thức tu khổ hạnh rất đặc biệt: cứ đi ba bước chân, anh ta lại cúi rạp người xuống, trán chạm đất, lạy một lạy, rồi lại đứng dậy đi tiếp ba bước. Cứ như vậy, không ngừng nghỉ, hướng về phía Tây Tạng xa xôi. Nghe nói anh ta đã đi như vậy từ tận Hồ Bắc, qua bao nhiêu tỉnh thành.

Vào một buổi trưa, khi cả hai cùng dừng chân nghỉ tạm dưới một bóng cây ven đường, bác có dịp trò chuyện với anh ta. Qua lời kể, bác cảm nhận được một tấm lòng thành kính và một ý chí cầu đạo sắt đá đến phi thường. Anh ta tin rằng, chỉ có cách dốc hết tâm sức, chịu đựng khổ ải như vậy mới có thể tiêu trừ nghiệp chướng, mới có thể cảm động được Thần Phật, và được thu nhận làm đệ tử ở một tu viện nào đó trên Tây Tạng.

Nhìn sự kiên trì và lòng thành của anh ta, bác vô cùng cảm phục. Lúc đó, bác cũng đang trong giai đoạn mông lung, chưa tìm được hướng đi rõ ràng. Thấy cách tu của anh ta, bác nghĩ, có lẽ mình cũng nên thử, biết đâu đây cũng là một cách để thể hiện lòng thành, để tiêu nghiệp. Thế là, trong một đoạn đường, bác cũng học theo anh ta, cũng ba bước một lạy. Ôi chao, mới chỉ được một đoạn ngắn mà toàn thân đau nhức, mệt lả. Lúc đó bác mới thấy được ý chí của người bạn đồng hành kia mạnh mẽ đến nhường nào.

Sau nhiều ngày tháng gian khổ, cuối cùng cả hai cũng đến được một tu viện lớn trên đất Tạng. Người bạn đồng hành của bác, với sự thành kính và khổ hạnh đã thể hiện, được một vị Lạt ma nhận làm đệ tử. Anh ta mừng rơi nước mắt.

Còn bác, khi đến xin được ở lại tu học, vị Lạt ma đó nhìn bác rất lâu, rồi từ tốn nói: "Tâm cầu đạo của con rất đáng quý. Nhưng nghiệp chướng của con còn nặng, duyên của con không ở đây. Con đường của con vẫn còn ở phía trước, còn phải đi nhiều, trải nghiệm nhiều mới có thể gặp được minh sư thật sự của mình."

Nghe những lời đó, lòng bác trĩu nặng một nỗi thất vọng. Mình cũng đã cố gắng, cũng đã chịu khổ, sao lại không được chấp nhận? Nhìn người bạn đồng hành được ở lại, còn mình lại phải tiếp tục cuộc hành trình vô định, cảm giác hụt hẫng khó tả lắm, cháu ạ. Nhưng rồi, bác lại nhớ đến lời dặn của vị cao tăng trong mơ, rằng hành trình này sẽ vô cùng gian khổ, kéo dài, là để trả nghiệp, để thử thách. Lời từ chối của vị Lạt ma, dù buồn, nhưng cũng làm bác thêm tin rằng, có lẽ số phận của mình đã được an bài một cách đặc biệt, không giống như những người khác. Mình phải tiếp tục đi, tiếp tục tìm kiếm.

(Bác ngừng lại một chút, như để những cảm xúc lắng xuống.)

Những cuộc gặp gỡ như vậy, dù ngắn ngủi, nhưng nó cũng là một sự động viên lớn. Thấy rằng mình không đơn độc trên con đường này, rằng có rất nhiều người khác cũng đang trăn trở, tìm kiếm như mình. Chúng bác thường chia sẻ với nhau những kinh nghiệm ít ỏi, những hiểu biết lượm lặt được, hay đơn giản chỉ là cùng nhau ngồi lặng im, nhìn về một phương trời xa xăm, nơi mà mỗi người đều hy vọng sẽ tìm thấy câu trả lời cho riêng mình.

Tuy nhiên, những mối duyên đồng hành đó thường không kéo dài. Mỗi người có một nhân duyên riêng, một con đường riêng phải đi. Gặp nhau rồi lại chia tay, như những con thuyền nhỏ bồng bềnh trên biển lớn, có lúc cùng trôi dạt một đoạn, rồi lại rẽ theo những hướng khác nhau, tiếp tục hành trình của riêng mình. Nhưng những kỷ niệm về họ, về những tấm lòng cầu đạo chân thành đó, thì bác vẫn luôn ghi nhớ.

**AL:**

Vâng, pháp tu "3 bước 1 lạy" thì cháu cũng nghe nói, có lân còn nhìn thấy video quay một người như vậy trên Youtube. Cháu chưa chứng kiến tận mắt trực tiếp, nhưng cũng cảm nhận được tâm cầu đạo của họ…

**MTS:**(Bác Mã gật đầu, ánh mắt có chút xa xăm.)

Đúng vậy, cháu ạ. Thời nay có internet, các cháu có thể thấy được nhiều hình ảnh, video về những người tu hành như vậy. Nhưng vào thời của bác, những thông tin đó rất hiếm hoi. Được tận mắt chứng kiến sự thành tâm và ý chí sắt đá của họ, nó có một tác động rất mạnh mẽ. Nó cho mình thấy rằng, niềm tin và lòng thành kính có thể giúp con người ta vượt qua những giới hạn tưởng chừng như không thể.

(Bác ngừng lại một chút, rồi tiếp tục với giọng trầm hơn, như muốn chia sẻ một khía cạnh khác của hành trình.)

Những kỳ ngộ như bác vừa kể, hay những cuộc gặp gỡ với những người đồng đạo, nó giống như những điểm sáng, những lúc được tiếp thêm năng lượng trên con đường dài. Nhưng phần lớn thời gian, như bác đã nói, là sự đơn độc, là sự tự mình vật lộn với những khó khăn, và quan trọng hơn cả, là tự mình học hỏi, chiêm nghiệm.

Bác không có một vị thầy cố định nào để theo học một cách bài bản. Việc học của bác chủ yếu đến từ nhiều nguồn. Cuốn Đạo Đức Kinh của ông nội luôn là người bạn đồng hành không thể thiếu. Cứ mỗi lần trải qua một biến cố, một khổ nạn, hay chứng kiến một điều gì đó trong cuộc sống, bác lại giở ra đọc, và thường lại ngộ ra được một tầng nghĩa mới từ những câu chữ tưởng chừng đã quen thuộc.

Rồi từ những lời giảng rời rạc của các vị sư, các đạo sĩ mà bác tình cờ gặp được trên đường. Mỗi người một pháp môn, một cách diễn giải, nhưng đôi khi chỉ một vài câu nói của họ lại như chìa khóa, mở ra cho bác một cánh cửa mới trong nhận thức. Bác ghi nhớ tất cả, rồi tự mình suy ngẫm, đối chiếu.

Ngay cả những người dân bình dị mà bác gặp, những người nông dân chân lấm tay bùn, những người thợ thủ công, đôi khi trong những câu chuyện đời thường của họ, bác cũng học được những bài học quý giá về lẽ đời, về sự nhẫn nại, về lòng từ bi. Trí tuệ đôi khi không nằm ở những lời lẽ cao siêu, mà ẩn chứa trong chính sự giản dị, chân thật của cuộc sống.

Và thiên nhiên nữa, Avery à. Những ngọn núi hùng vĩ, những dòng sông cuồn cuộn, những cánh rừng bạt ngàn, hay chỉ là một ngọn cỏ, một đóa hoa dại ven đường... tất cả đều là những người thầy im lặng. Quan sát sự vận hành của đất trời, sự sinh sôi nảy nở, sự tàn lụi rồi lại hồi sinh của vạn vật, bác cũng dần dần cảm nhận được cái quy luật vô thường, cái sự hài hòa của vũ trụ.

Nhưng có lẽ, bài học lớn nhất, sâu sắc nhất lại đến từ chính những khổ nạn, những thử thách mà bác phải trải qua. Chính sự đói rét, bệnh tật, sự hắt hủi, cô đơn... nó tôi luyện ý chí của bác, nó gọt giũa những góc cạnh trong tâm tính. Nó giúp bác nhìn rõ hơn những ham muốn, những chấp trước của bản thân, để rồi từ đó mà buông bỏ dần. Mỗi lần vượt qua được một khó khăn, bác lại cảm thấy mình như nhẹ nhõm hơn một chút, tâm trí cũng sáng ra thêm một chút.

(Bác nhìn Avery, ánh mắt chân thành.)

Con đường tự học, tự ngộ này nó gian nan lắm, không có ai chỉ dẫn từng bước. Nhưng có lẽ, đó cũng là sự an bài. Vì chính trong quá trình tự mình mò mẫm, tự mình vấp ngã rồi lại đứng dậy đó, những gì mình học được, mình ngộ ra được, nó mới thực sự thấm sâu, mới thực sự trở thành của mình. Nó không phải là kiến thức vay mượn, mà là sự chứng đắc từ chính trải nghiệm của bản thân.

**AL:**

Vâng, nghe bác kể thì cháu cũng cảm nhận được phần nào điều đó, nhưng với một người trẻ tuổi như cháu, những cái chúng cháu học được đa số là từ các mặt chữ, chứ chưa có trải nghiệm thực tế sâu sắc...

Thế trong quãng thời gian tìm Pháp, ngoài Đạo gia và Phật gia, bác có từng tiếp xúc với các môn phái khác không? Ví dụ như các môn trong “Kỳ môn công pháp" mà Sư phụ giảng trong Chuyển Pháp Luân?

**MTS:**(Bác Mã khẽ mỉm cười, một nụ cười có chút ý nhị.)

Cháu nói về "Kỳ môn công pháp" à? Đúng là trong ba mươi năm lang thang đó, không phải lúc nào bác cũng chỉ tìm đến những chùa chiền Phật giáo hay đạo quán Đạo gia chính thống đâu. Với cái tâm khao khát tìm được Chân Pháp, bác cũng đã từng tò mò, tìm hiểu nhiều con đường, nhiều pháp môn khác nhau, trong đó có cả những môn phái trông có vẻ huyền bí, cao siêu, mà người đời thường ít biết đến.

(Giọng bác trầm xuống một chút, ánh mắt ánh lên vẻ cẩn trọng.)

Trong hành trình đó, cũng có một giai đoạn bác suýt nữa thì lầm đường lạc lối, Avery ạ. Đó là một bài học nhớ đời, giúp bác nhận ra sự phức tạp và nguy hiểm của việc tu luyện nếu không có sự dẫn dắt của Chính Pháp, không có sự phân biệt rõ ràng giữa chính và tà.

Ấy là vào khoảng những năm bác đã đi được hơn hai chục năm. Lúc đó, bác cũng đã có chút ít kinh nghiệm, cũng đã nghe, đã thấy nhiều chuyện lạ. Một lần, bác nghe nói ở một vùng núi hẻo lánh phía Nam có một "vị thầy" trông vẻ ngoài rất đạo mạo, truyền dạy một pháp môn nghe nói là có thể giúp người ta khai mở công năng rất nhanh, đạt được những khả năng đặc biệt. Nghe vậy, lòng tò mò và cũng là sự sốt sắng muốn tìm được con đường tắt, bác đã tìm đến.

"Vị thầy" đó quả thực có một vẻ ngoài thu hút, nói năng lưu loát, lại hay dùng những từ ngữ nghe rất cao siêu, huyền diệu. Ông ta nói về vũ trụ, về năng lượng, về những cảnh giới mà người thường không thể nào biết được. Ban đầu, khi nghe những lời đó và tập theo những động tác, những cách hít thở mà ông ta dạy, bác cũng thấy có chút cảm ứng, cơ thể có những phản ứng nhất định. Bác nghĩ, có lẽ mình đã tìm đúng chỗ rồi.

Nhưng càng về sau, bác càng thấy có nhiều điều bất thường. Những lời dạy của "vị thầy" đó, tuy nghe có vẻ cao siêu, nhưng lại thiếu đi cái gốc từ bi, thiếu đi sự chính niệm. Ông ta hay nhấn mạnh vào việc cầu xin những quyền năng, những lợi ích cho bản thân, hay nói về việc khống chế người khác, thay vì dạy người ta tu tâm dưỡng tính, buông bỏ chấp trước. Những yêu cầu của ông ta đối với đệ tử cũng ngày một kỳ quặc, có khi còn mang tính vụ lợi, thậm chí là đi ngược lại những đạo lý làm người cơ bản.

Đỉnh điểm là một lần, khi bác đang thiền định theo cái pháp môn đó, cố gắng tập trung để "khai mở" một cái gì đó theo lời ông ta dạy. Bỗng nhiên, bác thấy trước mắt mình hiện lên những cảnh tượng rất đáng sợ. Không phải là những không gian huy hoàng, Thần Phật đoan trang như bác hằng mong ước, mà là một màu đen kịt, một luồng khí lạnh lẽo bao trùm lấy toàn thân. Rồi những hình ảnh méo mó, kỳ dị của những sinh mệnh ở cõi thấp, thậm chí là ma quỷ hiện ra, chúng nó gào thét, tranh giành, trông rất hung tợn.

Bác kinh hãi tột độ, toàn thân run lên. Một cảm giác ghê rợn, bất an xâm chiếm lấy tâm trí. Bác vội vàng ngừng lại, thoát ra khỏi trạng thái đó. Tim đập thình thịch, mồ hôi túa ra như tắm.

Lúc đó, bác mới bừng tỉnh. Bác nhận ra rằng, mình đã đi sai đường rồi. Cái pháp môn này, bề ngoài thì có vẻ huyền bí, nhưng bên trong lại ẩn chứa những điều tà ác, không phải là Chính Pháp. Nếu cứ tiếp tục đi theo, không những không giải thoát được mà còn tạo thêm nghiệp nặng, rước họa vào thân, thậm chí có thể bị những thứ ở cõi thấp khống chế.

Ngay sáng hôm sau, bác quyết định rời khỏi nơi đó ngay lập tức, không một lời từ biệt. Lòng vừa sợ hãi, vừa ân hận vì sự nông nổi, thiếu sáng suốt của mình. Từ đó trở đi, bác càng thêm cẩn trọng hơn trên con đường tìm kiếm. Bác hiểu rằng, tu luyện không phải là chuyện đùa, không thể chỉ nhìn vào những biểu hiện bên ngoài, những lời nói hoa mỹ. Phải dùng tâm để cảm nhận, phải đối chiếu với những nguyên lý thiện lương, từ bi căn bản. Nếu một pháp môn nào đó mà đi ngược lại những điều đó, thì dù nó có hứa hẹn những điều cao siêu đến đâu, cũng không thể là Chính Pháp được.

Sự việc đó, tuy là một lần suýt lầm đường, nhưng nó cũng là một bài học vô cùng quý giá, giúp bác có thêm sự phân định, sự tỉnh táo trong suốt hành trình còn lại. Nó cũng làm cho khao khát tìm được một vị Minh Sư chân chính, một Đại Pháp chân chính trong bác càng thêm cháy bỏng.

(Bác Mã thở ra một hơi dài, như trút đi được một gánh nặng khi kể lại kỷ niệm không mấy vui vẻ này.)

**AL:**Vâng, nghe bác kể đến đây, cháu chợt nhớ đến câu nói trong Phật giáo, “nhân thân nan đắc, trung thổ nan sinh, chính pháp khó tìm”…

**MTS:**(Bác Mã khẽ gật đầu, vẻ mặt trầm ngâm, đồng tình sâu sắc.)

Đúng vậy, cháu ạ. "Nhân thân nan đắc, Trung Thổ nan sinh, Chính Pháp nan văn, Minh Sư nan ngộ." Lời Phật dạy quả không sai chút nào. Mỗi một điều trong đó đều là vô cùng trân quý, vô cùng khó có được.

Thân người này, tưởng chừng như dễ dàng, nhưng để có được một kiếp làm người, với đầy đủ các giác quan để học hỏi, để tu luyện, theo như kinh sách nói, là phải trải qua không biết bao nhiêu duyên nghiệp.

Rồi được sinh ra ở "Trung Thổ" – nơi có văn hóa Thần truyền, nơi có những bậc Thánh nhân giáng thế, để lại những kinh điển, những con đường tu luyện – đó cũng là một phúc phận lớn lao.

Nhưng có được thân người, được sinh ra ở nơi có văn hóa tu luyện, rồi lại nghe được Chính Pháp, gặp được Minh Sư chân chính dẫn dắt, thì lại càng khó hơn gấp bội phần. Như mò kim đáy bể vậy.

Chính cái lần suýt theo tà đạo đó đã cho bác một bài học thấm thía về cái "Chính Pháp nan văn" này. Bề ngoài, những pháp môn tà vạy đó cũng có thể khoác lên mình những mỹ từ, những lý lẽ nghe có vẻ cao siêu, cũng có thể cho người ta thấy một vài cảm ứng ban đầu để lôi kéo. Nếu không có sự tỉnh táo, không có một cái tâm cầu đạo chân chính, rất dễ bị mê hoặc, bị dẫn dụ vào con đường sai lầm mà không hay biết.

Suốt ba mươi năm ròng rã tìm kiếm, bác đã gặp không biết bao nhiêu người tự xưng là thầy, là đạo sư. Có những người thực sự có chút công phu, có chút hiểu biết, nhưng pháp môn của họ có thể không phải là Chính Pháp, hoặc không phù hợp với căn cơ, duyên phận của mình. Lại có những kẻ chỉ là lừa bịp, lợi dụng lòng tin của người khác để trục lợi. Phân biệt được đâu là thật, đâu là giả, đâu là chính, đâu là tà, quả thực không phải là chuyện dễ dàng, nhất là với một người đơn độc như bác, không có ai chỉ dẫn.

Cũng chính vì cái khó đó, mà khi sau này có duyên may gặp được Đại Pháp chân chính, bác mới cảm thấy trân quý vô cùng. Nó không phải là thứ dễ dàng có được. Nó là kết quả của cả một hành trình dài tìm kiếm, của bao nhiêu mồ hôi, nước mắt, thậm chí là cả máu nữa. Nó là sự từ bi vô hạn của Thượng Thiên, đã không bỏ rơi một kẻ tội lỗi thành tâm muốn quay đầu.

Cái trải nghiệm "suýt theo tà đạo" đó, tuy nguy hiểm, nhưng nó cũng như một liều thuốc thử, giúp bác có thêm sức đề kháng, có thêm con mắt tinh tường hơn để nhận biết. Nó cũng làm cho cái tâm cầu Chính Pháp của bác càng thêm mạnh mẽ, càng thêm kiên định. Dù có vấp ngã, dù có thất vọng, nhưng ngọn lửa tìm kiếm đó không bao giờ tắt.

(Bác Mã nhìn Avery, ánh mắt chứa đựng sự từng trải và một niềm tin không lay chuyển.)

Cho nên, khi các cháu sau này có cơ duyên được gặp Chính Pháp, được Minh Sư dẫn dắt, hãy biết trân quý. Đó là một phúc phận vô cùng to lớn mà không phải ai cũng có được đâu. Đừng để những cám dỗ, những khó khăn nhất thời làm lung lay ý chí của mình. Con đường tu luyện chân chính, tuy có thể không trải đầy hoa hồng, nhưng đó là con đường duy nhất để chúng ta thực sự trở về.

**AL:**

Từ câu chuyện của bác mà cháu nhìn lại mình, thấy mình đắc được Đại Pháp dễ dàng quá, chẳng qua chút khổ nạn nào, có lẽ chỉ dựa vào duyên phận và chút ngộ tính là đã đắc được dễ dàng rồi...

Nghĩ đến việc một mình đi lang thang khắp nơi tìm Pháp, quả thực nếu là cháu thì cháu không dám nghĩ tới... Bao nhiêu khổ cực, bao nhiêu kiếp nạn và thử thách, còn phải sống đơn độc cả cuộc hành trình...

Mà những năm tháng đó, bác có từng gặp người tu luyện đơn độc trong thâm sơn đại xuyên không?

**MTS:**(Bác Mã mỉm cười hiền, một nụ cười thấu hiểu trước những suy nghĩ của Avery.)

Cháu nói vậy cũng có cái lý của nó. Mỗi người có một nhân duyên, một con đường được an bài khác nhau. Có người phải trải qua muôn vàn khổ nạn mới tìm được Pháp, có người lại nhẹ nhàng đắc được khi duyên cơ đã đến. Điều quan trọng không phải là con đường đến với Pháp dễ dàng hay khó khăn, mà là sau khi đã đắc Pháp rồi, mình có biết trân quý, có thực sự dụng tâm tu luyện hay không. Cái duyên của cháu có lẽ là đã được gieo từ nhiều kiếp trước rồi, nên kiếp này mới thuận lợi như vậy.

Còn chuyện tu luyện đơn độc trong thâm sơn cùng cốc, thì trong ba mươi năm lang thang đó, bác cũng có gặp, có nghe kể, và có cảm nhận được sự hiện hữu của họ.

(Bác khẽ gật đầu, ánh mắt nhìn vào khoảng không, như đang tái hiện lại khung cảnh xưa cũ.)

Bác nhớ có một lần, khi đang đi qua một vùng núi non hiểm trở ở phía Tây Nam Trung Quốc, nơi rừng thiêng nước độc, ít dấu chân người. Bác nghe người dân địa phương kể rằng trong núi sâu có những vị tu hành ẩn dật, công phu cao thâm lắm, nhưng rất ít khi xuất hiện. Với lòng tò mò và một chút hy vọng, bác quyết định thử vận may, một mình tìm đường vào sâu trong núi.

Sau mấy ngày trời luồn rừng, vượt suối, cuối cùng bác cũng tìm thấy một hang động khá rộng, cửa hang bị dây leo che khuất gần hết. Bên trong hang hơi tối và ẩm thấp, nhưng không khí lại có một sự tĩnh lặng đến lạ thường. Khi mắt đã quen với bóng tối, bác nhìn thấy một cảnh tượng khiến bác sững sờ.

Ở giữa hang, trên một phiến đá bằng phẳng, có một người đang ngồi thiền. Bác không biết người đó đã ngồi đó bao lâu rồi. Quần áo của vị ấy đã cũ nát, phủ một lớp bụi dày như thể đã trải qua không biết bao nhiêu mưa nắng thời gian. Râu tóc thì dài, bạc trắng như cước, trông như một cụ già đã ngoài sáu bảy mươi. Nhưng điều kỳ lạ là, làn da trên mặt và tay của vị ấy lại căng mịn, hồng hào, không một nếp nhăn, giống như da của một người mới ngoài ba mươi tuổi. Và dường như, vị ấy không thở. Lồng ngực không hề phập phồng, nhìn kỹ cũng không thấy hơi thở nơi mũi. Trông giống như một pho tượng, hay một cái xác đã khô.

Bác đứng đó, tim đập thình thịch, vừa kinh ngạc, vừa có chút sợ hãi. Bác không dám lại gần, chỉ đứng từ xa quan sát. Một ngày, rồi hai ngày, ba ngày trôi qua, vị ấy vẫn ngồi bất động như vậy, không một cử chỉ, không một âm thanh. Bác bắt đầu tự hỏi, liệu người này còn sống hay đã viên tịch rồi? Vị ấy tu theo pháp môn nào mà lại có thể nhập định sâu đến như vậy?

Đến ngày thứ tư, sự tò mò trong bác lên đến đỉnh điểm. Bác nghĩ, hay là mình thử lại gần xem sao, xem có còn mạch đập hay không. Vừa mới khởi cái ý nghĩ đó, chân chưa kịp bước, thì đột nhiên, một giọng nói trầm ấm, rõ ràng vang lên ngay trong đầu bác: "Đừng làm phiền ta!"

Bác giật nảy mình, nhìn trân trối vào người đang ngồi thiền. Miệng vị ấy vẫn mím chặt, mắt vẫn nhắm nghiền, không hề có dấu hiệu nào là vừa phát ra âm thanh. Nhưng giọng nói đó, bác nghe rất rõ, nó như được truyền thẳng vào tâm trí mình. Một cảm giác kính sợ xen lẫn chút xấu hổ xâm chiếm lấy bác. Bác biết mình đã có ý nghĩ không phải, đã làm kinh động đến sự tĩnh tu của người ta.

Bác vội vàng chắp tay, cúi đầu xá mấy cái về phía vị tu hành, trong lòng thầm xin lỗi. Rồi bác lẳng lặng lui ra khỏi hang, không dám ngoái đầu nhìn lại.

Rời khỏi hang động đó, lòng bác ngổn ngang bao suy nghĩ. Thế giới này quả thực có quá nhiều điều huyền diệu mà mình chưa biết. Có những pháp môn tu luyện, những cảnh giới mà người thường không thể nào tưởng tượng nổi. Sự việc đó càng làm bác tin rằng, con đường mình đang đi, dù gian khổ, nhưng không phải là vô ích. Chắc chắn ở đâu đó, có những bậc chân tu, có Chân Pháp đang chờ đợi mình. Chỉ là duyên mình chưa tới, công phu mình chưa đủ mà thôi.

(Bác ngừng lại một lúc, rồi tiếp tục.)

Ngoài những trường hợp đặc biệt như vậy, có những lần khác, khi đi qua những vùng núi non cực kỳ hẻo lánh, bác tình cờ thấy những dấu hiệu của người tu hành. Có thể là một am tranh nhỏ xíu, lợp bằng lá cây, nép mình bên một sườn núi. Bên trong chẳng có gì ngoài một chiếc chiếu rách, một vài vật dụng đơn sơ. Chủ nhân của nó thì có khi bác không gặp, họ có thể đang ở đâu đó trong rừng sâu, hoặc đang nhập định. Nhưng nhìn cảnh am thất đơn sơ đó, bác cũng cảm nhận được một ý chí tu hành phi thường.

Những người tu luyện đơn độc như vậy, họ chọn một con đường rất khác. Họ không tìm kiếm sự công nhận, không cần người khác biết đến. Họ chỉ lặng lẽ đối diện với chính mình, với thiên nhiên, với những thử thách của tâm tính trong sự tĩnh lặng tuyệt đối. Con đường đó đòi hỏi một sự kiên định, một sự nhẫn nại và một niềm tin vào Pháp môn của mình vô cùng lớn.

Bác nghĩ rằng, mỗi người có một cách tu, một duyên phận. Có người tu giữa chợ đời ồn ào, có người lại chọn nơi thâm sơn để tĩnh tu. Không có con đường nào là dễ dàng cả. Quan trọng là cái tâm của người tu hành có thực sự hướng về giải thoát hay không. Nhìn thấy họ, bác lại càng thấy sự bao la của thế giới tu luyện, và càng thêm trân quý cái cơ duyên được gặp Chính Pháp sau này, một con đường có thể giúp chúng sinh thực sự viên mãn ngay giữa đời thường, không nhất thiết phải đoạn tuyệt với thế gian.

(Bác Mã ngừng lại, nhấp một ngụm trà. Câu chuyện về những người tu hành đơn độc như mở ra một không gian khác, một thế giới khác ngay giữa những ngọn núi bao quanh căn nhà nhỏ này.)

**AL:**

Vâng, có lẽ những người đó đang dùng phương pháp "tịnh cốc" để tu luyện, cũng có thể là một pháp môn bí truyền đơn độc nào đó...

Quay lại với con đường của bác, mặc dù bác không được một "minh sư" nào thu nhận làm đệ tử, nhưng qua những kinh sách hay những trải nghiệm thực tế, chắc hẳn bác cũng lĩnh ngộ được nhiều điều bổ ích... Và về cuốn Đạo Đức Kinh mà bác được ông nội cho và luôn mang theo bên người, thì theo năm tháng, bác có lĩnh ngộ được nhiều không?

**MTS:**(Bác Mã gật gù, ánh mắt ánh lên sự trân trọng khi nhắc đến cuốn Đạo Đức Kinh.)

Đúng như cháu nói, dù không được một vị minh sư nào trực tiếp thu nhận và chỉ dạy bài bản, nhưng hành trình ba mươi năm đó, với vô vàn trải nghiệm, với sự bầu bạn của kinh sách, đặc biệt là cuốn Đạo Đức Kinh, cũng đã giúp bác dần dần lĩnh ngộ được nhiều điều. Có thể nói, những khổ nạn, những kỳ ngộ, và cả những lần suýt lầm đường, tất cả đều là những bài học, những người thầy của bác.

Và cuốn Đạo Đức Kinh của ông nội, nó không chỉ là một kỷ vật, mà thực sự đã trở thành một người bạn tri kỷ, một ngọn đèn soi rọi cho bác trên suốt chặng đường dài. Ban đầu, như bác đã kể, bác đọc mà như vịt nghe sấm. Nhưng rồi, qua năm tháng, qua những thăng trầm của cuộc đời hành khất, mỗi lần giở ra đọc, bác lại thấy những con chữ đó nó như có một sức sống mới, một tầng nghĩa mới mở ra.

(Bác ngừng lại một chút, như để hồi tưởng lại quá trình lĩnh ngộ ấy.)

Bác nhớ có lần, khi bác đang đi qua vùng Côn Lôn, sau gần hai năm trời lang thang, lặn lội dọc theo những sườn núi cheo leo, hiểm trở mà không gặp được kỳ ngộ nào đáng kể. Một hôm, quá mệt mỏi, bác tìm được một đạo quán nhỏ xíu, cũ kỹ, nằm cheo leo gần đỉnh một ngọn núi để xin nghỉ lại. Vì quá kiệt sức, bác ngủ một giấc ly bì, một ngày một đêm không biết trời đất gì. Và trong giấc ngủ sâu đó, bác lại có một giấc mơ rất lạ. Bác thấy mình đang đứng giữa một không gian bao la, mây trắng bồng bềnh. Rồi Lão Tử hiện ra, râu tóc bạc phơ, tay chống gậy trúc, dáng vẻ ung dung, tự tại.

Ngài nhìn bác, mỉm cười rất hiền từ, rồi cất giọng ôn tồn, nhưng từng lời lại như khắc sâu vào tâm trí bác: "Tốt. Nhưng ngươi muốn đọc hiểu được sách của ta, thì trước tiên phải đứng ở bối cảnh hai ngàn năm trăm năm trước để hiểu được ngữ nghĩa gốc của từ ngữ khi đó." Nói xong, hình ảnh của ngài mờ dần rồi biến mất.

Khi bác tỉnh dậy, mặt trời đã lên cao. Lời nói của Lão Tử trong giấc mơ cứ vang vọng mãi. Bác chợt hiểu ra một điều. Bấy lâu nay, bác đọc Đạo Đức Kinh, cũng chỉ là đọc theo con chữ của thời nay, hiểu theo cách hiểu của người thời nay. Mà ngôn ngữ thì qua hàng ngàn năm đã có biết bao nhiêu thay đổi. Nếu không nắm được cái "ngữ nghĩa gốc" đó, làm sao có thể thực sự thấu hiểu được tư tưởng thâm sâu mà Lão Tử muốn truyền đạt?

Giấc mơ đó, bác tin rằng đó chính là một sự điểm hóa quan trọng. Từ đó trở đi, mỗi khi đọc Đạo Đức Kinh, bác không chỉ đọc suông nữa. Bác cố gắng tìm tòi, tra cứu thêm những sách vở chú giải cổ, cố gắng tìm hiểu về bối cảnh xã hội, văn hóa thời Xuân Thu, để hình dung được người xưa họ dùng từ đó trong ngữ cảnh nào, với ý nghĩa gì.

Đó thực sự là một bước ngoặt trong việc học hiểu Đạo Đức Kinh của bác. Dần dần, bác cảm thấy mình như chạm được vào cái mạch ngầm của cuốn sách, những điều trước đây đọc thấy mơ hồ, khó hiểu thì nay lại trở nên sáng tỏ hơn rất nhiều.

Ví như câu mở đầu: "Đạo khả đạo, phi thường Đạo; Danh khả danh, phi thường Danh." Trước khi được điểm hóa, bác cũng như nhiều người thời nay, thường hiểu lầm chữ "phi thường" (非常) thành "phi phàm", "xuất chúng", "vĩ đại". Rồi diễn giải cả câu thành một ý hoàn toàn trái ngược, rằng "Đạo mà có thể nói ra được chính là Đạo lớn, Đạo phi phàm; tên mà có thể gọi được chính là cái tên không tầm thường". Nghe thì có vẻ rất kêu, rất hoành tráng, nhưng nó lại xa rời cái ý tứ chân thật của Lão Tử.

Sau khi cố gắng tìm hiểu ngữ nghĩa gốc, bác mới ngộ ra rằng, chữ "phi" (非) ở đây có nghĩa là "không phải", "chẳng phải". "Phi thường Đạo" (非常道) thực chất là "không phải cái Đạo hằng cửu, bất biến, vượt lên trên mọi mô tả". Tức là, cái Đạo mà con người có thể dùng ngôn ngữ để diễn đạt, để "khả đạo" (có thể nói ra), thì nó *không phải* là cái Đạo chân thật, vĩnh hằng, cái bản thể của vũ trụ. Bởi vì cái Đạo chân thật đó nó vô hình, vô tướng, không thể dùng bất kỳ ngôn từ hữu hạn nào của con người để nắm bắt trọn vẹn được. Khi ta cố gắng "đạo" nó, ta đã giới hạn nó, biến nó thành một khái niệm, một học thuyết, chứ không còn là cái "Thường Đạo" (常道) – cái Đạo hằng cửu, bất biến nữa. Tương tự như vậy, "Danh khả danh, phi thường Danh" nghĩa là cái tên mà con người có thể dùng để gọi, để định danh sự vật, thì nó *không phải* là cái tên chân thật, vĩnh hằng của sự vật đó. Bởi vì tên gọi chỉ là một sự quy ước, một ký hiệu. Bản chất thực sự của vạn vật thì vượt lên trên mọi danh xưng.

Cái ngộ này nó giúp bác bớt đi rất nhiều sự chấp trước vào danh tự, vào hình tướng, vào những lời lẽ hoa mỹ. Bác hiểu rằng, Chân Lý không nằm ở việc mình thuộc bao nhiêu kinh sách, biết bao nhiêu thuật ngữ cao siêu, mà ở việc mình có thực sự cảm nhận được cái Đạo đó trong từng hơi thở, trong từng sự vật hiện tượng quanh mình hay không. Nó cũng giúp bác cẩn trọng hơn khi nghe những lời giảng giải, không vội tin theo những diễn dịch có vẻ "phi phàm" mà xa rời cái nghĩa gốc chân phương.

Hay như khi bác đọc về "Thượng thiện nhược thủy" – đức tốt cao nhất giống như nước. Nước thì lợi cho vạn vật mà không tranh giành, ở chỗ thấp mà mọi người không thích. Điều đó dạy cho bác về sự khiêm hạ, về sự nhẫn nhịn, về việc âm thầm cống hiến mà không cầu báo đáp. Trong những năm tháng bị người đời hắt hủi, khinh miệt, chính những lời dạy này đã giúp bác giữ được tâm bình thản, không oán hận.

Cứ như thế, mỗi một chương, mỗi một câu trong Đạo Đức Kinh, qua những trải nghiệm thực tế, nó lại mở ra cho bác những tầng nghĩa mới. Nó không chỉ là sách để đọc, mà nó trở thành một tấm gương để soi mình, một người thầy để mình đối chiếu và học hỏi.

(Bác Mã nhìn ra ngoài cửa sổ, nơi ánh nắng chiều đã dịu đi rất nhiều. Khuôn mặt bác ánh lên vẻ bình yên của một người đã tìm thấy sự thông tuệ từ trong gian khó.)

AL:  
Ồ! Nghe bác diễn giai câu “Đạo khả đạo, phi thường đạo; Danh khả danh phi thường danh” như vậy, giờ cháu mới hiểu ý tứ của Lão Tử… Và như vậy, cháu liền thấy có thể dễ dàng liễu giải câu tiếp theo của nó, "Vô danh, thiên địa chi thủy, hữu danh vạn vật chi mẫu"…

**MTS:**Đúng vậy, cháu ạ. Khi đã hiểu đúng được cái ý "phi thường Đạo", "phi thường Danh" ở câu thứ nhất, thì đến câu thứ hai: "Vô danh, thiên địa chi thủy; Hữu danh, vạn vật chi mẫu."

Khi cái "Thường Đạo" chưa được gọi tên, chưa bị giới hạn bởi "danh", đó chính là trạng thái "Vô danh" – cái khởi đầu của trời đất (thiên địa chi thủy). Lúc đó, vạn vật còn hỗn độn, chưa phân chia, chưa có hình tướng cụ thể, chưa có tên gọi. Đó là cái bản thể nguyên sơ, thuần khiết.

Rồi khi con người bắt đầu nhận thức, phân biệt, đặt tên cho vạn vật – núi này, sông kia, cây này, con thú nọ – đó chính là lúc "Hữu danh" (có tên) xuất hiện. Và cái "Hữu danh" này trở thành "mẹ của vạn vật" (vạn vật chi mẫu). Bởi vì từ khi có tên gọi, có sự phân biệt, thì vạn vật mới được hình dung một cách rõ ràng trong ý thức của con người, mới có sự đa dạng, phong phú mà chúng ta thấy. Mỗi cái tên như một sự "sinh ra" của một sự vật trong thế giới nhận thức của chúng ta.

Hiểu được điều này, bác mới thấy cái sự vi diệu trong cách Lão Tử dùng từ. "Vô" và "Hữu" không phải là đối lập hoàn toàn, mà là hai trạng thái, hai khía cạnh của cùng một thực tại. Từ cái "Vô danh" của Đạo mà sinh ra cái "Hữu danh" của vạn vật. Cái "Vô" là thể, cái "Hữu" là dụng.

Nó cũng giúp bác hiểu thêm về tầm quan trọng của việc giữ cho tâm mình được "vô dục", thanh tĩnh. Bởi vì chỉ khi tâm không bị che lấp bởi những ham muốn, những định kiến, những cái "danh" do mình tự đặt ra, thì mình mới có thể "quan kỳ diệu" – thấy được cái sự vi diệu, cái bản chất thực sự của Đạo, của vạn vật. Còn khi tâm mình đầy "hữu dục", đầy những ý niệm, những phân biệt, thì mình chỉ "quan kỳ khiếu" – thấy được cái biểu hiện bên ngoài, cái giới hạn, cái vỏ bọc của sự vật mà thôi.

(Bác ngừng lại một chút, rồi nói tiếp với giọng chiêm nghiệm hơn.)

Việc lĩnh ngộ được những điều này từ Đạo Đức Kinh, nó không chỉ giúp bác hiểu thêm về triết lý, mà nó còn trực tiếp ảnh hưởng đến cách bác nhìn nhận cuộc sống, cách bác đối diện với những khổ nạn trên đường tu. Bác học được cách buông bỏ bớt những cái "danh" mà thế gian gán cho mình – kẻ hành khất, kẻ thất bại, kẻ dị đoan... Bác cố gắng nhìn sâu hơn vào bản chất của sự việc, thay vì chỉ chạy theo những biểu hiện bên ngoài.

Và cháu biết không, cái sự hiểu biết về "Vô danh" và "Hữu danh" này, sau này khi bác có duyên đọc được kinh sách của Phật gia, bác lại thấy có những điểm tương đồng rất thú vị với khái niệm "Tánh Không" hay "Vô Ngã". Tuy cách diễn đạt có khác, nhưng cái ý hướng về một thực tại siêu việt, vượt lên trên mọi danh tướng, mọi sự phân biệt của nhị nguyên, dường như lại gặp nhau ở một điểm nào đó. Điều đó càng làm bác tin rằng, Chân Lý tuy một, nhưng có thể được biểu đạt qua nhiều phương tiện, nhiều ngôn ngữ khác nhau.

(Bác Mã mỉm cười, một nụ cười của người đã tìm thấy những mạch nối ngầm giữa các dòng tư tưởng lớn.)

**AL:**

Vâng, nghe bác chia sẻ, cháu hiểu được tầm quan trọng cần đứng ở bối cảnh, góc nhìn của tác giả thì mới hiểu được nghĩa gốc, từ đó mới có thể lĩnh ngộ được Pháp lý cao thâm ẩn sau...

Nhưng mà lịch sử xoay vần, khiến điều từ ngữ nhìn bề mặt có thể không thay đổi gì, nhưng ý nghĩa đã thay đổi 180 độ rồi, thế thì việc đọc các kinh sách cổ trở nên vô cùng khó khăn...

Bác có thấy như vậy không? Từ trải nghiệm của mình, bác có phát hiện ra nhiều từ ngữ bị mất nghĩa gốc của nó không?

**MTS:**(Bác Mã gật đầu, vẻ mặt đăm chiêu.)

Cháu nói rất đúng. Đó chính là một trong những khó khăn lớn nhất khi chúng ta, những người thời nay, muốn tìm hiểu và lĩnh hội những kinh sách cổ, những lời dạy của các bậc Thánh nhân xưa. Thời gian trôi đi, văn hóa thay đổi, xã hội biến thiên, và ý nghĩa của từ ngữ cũng theo đó mà "thất lạc", biến đổi, thậm chí là bị hiểu sai lệch hoàn toàn so với nghĩa gốc của nó.

Đúng như cháu nói, bề mặt con chữ thì vẫn vậy, nhưng cái hồn, cái cốt tủy bên trong thì đã khác đi nhiều. Nếu mình không có một sự cẩn trọng, một sự tìm tòi, nghiên cứu sâu sắc về bối cảnh ra đời của những từ ngữ đó, rất dễ rơi vào tình trạng "hiểu lầm" ý của người xưa, thậm chí là diễn giải sai lệch hoàn toàn.

Trải nghiệm của bác với cuốn Đạo Đức Kinh là một minh chứng rõ ràng. Nếu không có sự "điểm hóa" trong giấc mơ đó, có lẽ bác vẫn cứ loanh quanh với những cách hiểu thông thường, những diễn giải theo kiểu "thời thượng" mà xa rời bản ý của Lão Tử.

Và không chỉ riêng Đạo Đức Kinh đâu, Avery à. Trong quá trình tìm hiểu kinh sách Phật giáo, hay những tác phẩm kinh điển của Nho gia, bác cũng nhận thấy hiện tượng này. Có những thuật ngữ mà ngày nay chúng ta dùng với một ý nghĩa rất khác, thậm chí là tiêu cực, nhưng thời xưa nó lại mang một hàm ý hoàn toàn khác, trang trọng và sâu sắc hơn nhiều.

(Bác ngừng lại một chút, rồi ánh mắt như chợt nhớ ra điều gì đó.)

À, nói về sự biến đổi ý nghĩa của từ ngữ, bác lại nhớ đến từ "giang hồ" (江湖). Ngày nay, khi nhắc đến "giang hồ", người ta thường nghĩ ngay đến những kẻ du đãng, sống ngoài vòng pháp luật, những băng nhóm đâm thuê chém mướn, những chuyện ân oán, bạo lực... một thế giới có phần đen tối, phức tạp.

Nhưng nếu mình lật lại những trang sách cổ, tìm về cái nghĩa gốc của từ này, thì nó lại mang một vẻ đẹp, một sự khoáng đạt hoàn toàn khác. Trong quá trình tìm hiểu, bác phát hiện ra một nguồn gốc rất thú vị của từ này, mà nhiều người ngày nay có lẽ không còn biết đến nữa. Ấy là vào thời xưa, ở vùng Giang Tô và Hồ Bắc, có hai vị đạo sư rất nổi tiếng, đạo hạnh cao thâm, được nhiều người ngưỡng mộ. Những người có tâm cầu đạo, muốn tìm thầy học hỏi, thường không quản ngại đường sá xa xôi, tìm đến hai vùng đất này để mong được thọ giáo. Dần dần, người ta gọi chung những người đang trên con đường tầm sư học đạo đó là những người "giang hồ" – tức là những người hướng về Giang Tô, hướng về Hồ Bắc để tìm đạo. Như vậy, "giang hồ" ban đầu còn mang ý nghĩa là một cộng đồng những người cùng chí hướng, cùng khao khát tìm cầu sự giác ngộ.

Bên cạnh đó, còn một tầng nghĩa khác nữa xuất phát từ hình ảnh tự nhiên. "Giang" (江) là sông, "hồ" (湖) là hồ. "Giang hồ" ban đầu cũng chỉ đơn giản là sông và hồ, là những vùng đất rộng lớn, tự do, nơi không có sự ràng buộc của triều đình, của quan lại, của những lễ nghi phiền phức nơi thị thành. Đó là nơi mà những người có chí khí, những người không muốn bị trói buộc bởi công danh lợi lộc, có thể tìm đến để sống một cuộc đời tự tại, tiêu dao.

Trong "Trang Tử", một tác phẩm kinh điển của Đạo gia, có một đoạn rất hay nói về hai con cá. Khi khe nước cạn, hai con cá nằm phơi mình trên đất, chúng lấy nước bọt làm ẩm cho nhau để cố gắng sống sót. Trang Tử nói rằng, cái cảnh tương trợ nhau trong lúc khốn cùng đó tuy đáng quý, nhưng "bất như tương vong ư giang hồ" (不如相忘於江湖) – chẳng bằng hãy quên nhau đi mà vùng vẫy giữa chốn giang hồ rộng lớn. Ở đây, "giang hồ" là biểu tượng cho sự tự do tuyệt đối, cho cái không gian bao la mà mỗi sinh mệnh có thể tìm về với bản tính tự nhiên của mình, không cần phải nương tựa vào nhau một cách khổ sở.

Như vậy, từ "giang hồ" trong quá khứ mang một ý nghĩa rất đẹp, rất khoáng đạt: vừa chỉ những người tầm sư học đạo, vừa chỉ không gian tự do cho những tâm hồn muốn thoát tục. Đó là nơi của những bậc ẩn sĩ, những người tu hành vân du bốn phương, những hiệp khách hành hiệp trượng nghĩa. "Giang hồ" là không gian của họ, là nơi họ thể hiện cái chí của mình, sống theo lý tưởng của mình.

Vậy mà, qua thời gian, cả hai tầng nghĩa đẹp đẽ đó đã bị mai một, bị khoác lên một lớp áo hoàn toàn khác. Khi người ta không còn hiểu được cái tinh thần tầm đạo, cái sự khoáng đạt, tự do, trọng nghĩa ban đầu của "giang hồ" nữa, thì nó dần bị đồng hóa với những mặt tiêu cực của những kẻ sống lang thang, vô kỷ luật, sống ngoài vòng pháp luật.

Đó chỉ là một ví dụ thôi, cháu ạ, nhưng nó cho thấy sự biến đổi sâu sắc của ngôn ngữ. Còn rất nhiều từ ngữ khác trong kinh sách cổ, nếu chúng ta không cẩn thận "truy nguyên", tìm về cái nghĩa gốc, rất dễ hiểu sai, thậm chí là xuyên tạc ý của cổ nhân. Điều này không chỉ làm cho chúng ta không lĩnh hội được tinh hoa của người xưa, mà đôi khi còn dẫn đến những hành động, những quan niệm sai lầm trong cuộc sống và trên con đường tu luyện nữa.

Vì vậy, việc học hỏi, tìm hiểu một cách nghiêm túc, có sự đối chiếu, tham khảo từ nhiều nguồn, đặc biệt là những chú giải của các bậc cao minh đi trước, là vô cùng quan trọng. Nó giúp chúng ta gạn đục khơi trong, tìm lại được cái "chân âm" của những lời dạy quý báu.

(Bác Mã khẽ thở dài, một cái thở dài không phải vì mệt mỏi, mà vì cảm thán trước sự biến thiên của ngôn ngữ và sự khó khăn của người đời sau muốn tìm về cội nguồn.)

**AL:**

Ồ! Giờ cháu mới hiểu được nghĩa cổ của từ "giang hồ"...  
Đúng là trắng đen lẫn lộn, rất khó để hiểu được nghĩa gốc... Nếu vậy thì, không chỉ những từ ngữ trong giới tu luyện, cả những từ ngữ trong văn thơ cổ cũng cần phải xét đến bối cảnh gốc thì mới dễ lĩnh ngộ được ẩn ý mà tác giả muốn truyền tải, nếu không người đọc cũng giống như đàn gẩy tai trâu, không hiểu được gì thâm ảo đằng sau…

**MTS:**(Bác Mã gật đầu, ánh mắt ánh lên sự tán đồng.)

Cháu nói rất phải. Không chỉ trong kinh sách tu luyện đâu, mà ngay cả trong văn thơ cổ, trong những câu chuyện ngụ ngôn, những tác phẩm văn học kinh điển, nếu chúng ta không hiểu được bối cảnh ra đời, không nắm được cái "mật mã văn hóa", cái ẩn ý mà tác giả muốn gửi gắm thông qua từng con chữ, từng hình ảnh, thì cũng giống như "đàn gảy tai trâu" vậy. Mình chỉ thấy được cái vỏ bề ngoài mà không chạm được vào cái hồn, cái tinh túy sâu xa bên trong.

Những tác phẩm lớn của người xưa, nó không chỉ đơn thuần là để giải trí, mà thường ẩn chứa rất nhiều tầng nghĩa, nhiều bài học về nhân sinh, về đạo lý, thậm chí là cả những thiên cơ nữa. Nhưng để "giải mã" được những tầng nghĩa đó, đòi hỏi người đọc phải có một sự hiểu biết nhất định về văn hóa, lịch sử, về những điển tích, điển cố mà tác giả sử dụng.

(Bác ngừng lại một chút, như để dẫn dắt sang một ví dụ cụ thể.)

Ví như khi chúng ta đọc "Tây Du Ký", một tác phẩm mà hầu như ai cũng biết, ai cũng yêu thích. Bề ngoài, đó là một câu chuyện phiêu lưu kỳ thú về bốn thầy trò Đường Tăng đi Tây Trúc thỉnh kinh, trải qua tám mươi mốt kiếp nạn. Nhưng nếu chỉ dừng lại ở đó, thì chúng ta mới chỉ thấy được phần nổi của tảng băng chìm.

Cháu có nhớ đến chi tiết Tôn Ngộ Không bị đè dưới núi Ngũ Hành Sơn không? Người thường đọc, có thể chỉ thấy đó là một hình phạt dành cho một con khỉ ngỗ ngược, đại náo thiên cung. Nhưng nếu chúng ta suy ngẫm sâu hơn, hình ảnh này mang một ý nghĩa ẩn dụ vô cùng lớn lao.

Ngũ Hành Sơn không chỉ là một ngọn núi cụ thể đè lên Tôn Ngộ Không. "Ngũ Hành" – Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ – chính là năm yếu tố vật chất cơ bản cấu thành nên toàn bộ Tam Giới này, bao gồm cả thân thể của con người và muôn loài chúng sinh. Như vậy, hình ảnh Tôn Ngộ Không bị Ngũ Hành Sơn đè nặng suốt năm trăm năm, thực chất là một ẩn dụ sâu sắc cho việc toàn thể chúng sinh trong Tam Giới này, kể cả con người chúng ta, cũng đang bị "đè nén", bị trói buộc bởi chính những quy luật vật chất, những cấu thành của cõi giới này. Chúng ta bị giam hãm trong cái khung của Ngũ Hành, không thể tự mình thoát ra được, và cứ thế phải chịu đựng sự chi phối của luật sinh-lão-bệnh-tử, phải chìm nổi trong vòng luân hồi Lục Đạo không ngừng nghỉ.

Tôn Ngộ Không, với tài năng xuất chúng, bảy mươi hai phép biến hóa, Cân Đẩu Vân một vèo mười vạn tám ngàn dặm, tượng trưng cho những khát vọng muốn vượt thoát, muốn tự do của sinh mệnh. Dù có bản lĩnh đến đâu, nhưng khi còn ở trong Tam Giới, còn bị cấu thành bởi Ngũ Hành, thì cũng không thể nào thực sự "nhảy ra khỏi lòng bàn tay của Phật Tổ" – tức là không thể tự mình thoát khỏi những quy luật của vũ trụ này, không thể giải thoát khỏi sự ràng buộc của Tam Giới nếu không có sự dẫn dắt của Chính Pháp, không có sự tu luyện chân chính để chuyển hóa bản thể vật chất và siêu việt lên trên.

Năm trăm năm bị đè dưới núi, cũng là quãng thời gian tượng trưng cho vô số kiếp luân hồi mà chúng sinh phải trải qua, chịu đựng khổ đau, mài giũa trong những ràng buộc của thế gian, để dần dần tiêu bớt đi những nghiệp lực, những ma tính, chuẩn bị cho một cơ duyên được cứu độ, được bước vào con đường tu luyện chân chính.

Rồi đến hình ảnh bốn thầy trò Đường Tăng. Mỗi người một tính cách, một vai trò, nhưng lại bổ sung cho nhau, cùng nhau vượt qua khó khăn. Đường Tăng, tuy có lúc yếu đuối, hay bị yêu ma lừa gạt, nhưng lại có một cái tâm kiên định hướng Phật, một lòng từ bi. Đó là cái gốc của người tu. Tôn Ngộ Không tài giỏi, nhưng nóng nảy, cần có sự ràng buộc của chiếc vòng kim cô (tượng trưng cho giới luật, cho sự ước thúc của Pháp). Trư Bát Giới thì ham ăn, lười biếng, còn nhiều dục vọng (tượng trưng cho những ham muốn bản năng của con người). Sa Tăng thì cần cù, nhẫn nại, luôn gánh vác những công việc nặng nhọc (tượng trưng cho sự kiên trì, bền bỉ trên con đường tu).

Cả bốn thầy trò, thực ra chính là những khía cạnh khác nhau trong tâm của một người tu luyện. Hành trình thỉnh kinh của họ cũng chính là hành trình tu tâm, sửa tính của mỗi chúng ta. Mỗi kiếp nạn gặp phải, không phải là sự ngẫu nhiên, mà là những khảo nghiệm, những cơ hội để họ bộc lộ những tâm chấp trước, những thiếu sót của mình, để rồi từ đó mà đề cao lên.

Nếu không hiểu được những tầng nghĩa ẩn dụ đó, chúng ta sẽ chỉ coi "Tây Du Ký" là một câu chuyện thần thoại giải trí đơn thuần, mà bỏ lỡ đi những bài học sâu sắc về con đường tu luyện và thân phận của chúng sinh trong Tam Giới mà cổ nhân muốn gửi gắm.

(Bác Mã nói với một sự say sưa, như đang sống lại trong thế giới của những ẩn dụ và biểu tượng. Ánh mắt bác ánh lên niềm vui của người khám phá ra những kho tàng trí tuệ.)

**AL:**

Ôi!.. Nghe bác chia sẻ về Tây Du Ký cháu lại hiểu thêm được một tầng ý nghĩa... Lúc cháu còn nhỏ, được xem phim Tây Du Ký quả thực rất thích thú với những cảnh thân thông phép thuật, nhưng không hiểu được các ẩn ý mà tác giả muốn truyền tài...

Ôi mà,.. trời đã tối lúc nào không hay... Cháu xin lỗi đã không chú ý thời gian, để kéo dài ảnh hưởng đến giờ nghỉ tối của bác…

**MTS:**(Bác Mã mỉm cười hiền hậu, đưa mắt nhìn ra ngoài cửa sổ. Quả thực, bóng tối đã bao trùm, chỉ còn vài vệt sáng yếu ớt nơi chân trời phía Tây. Tiếng côn trùng đêm đã bắt đầu râm ran.)

Cháu không cần phải áy náy đâu, Avery. Khi đã nói chuyện hợp duyên, lại được chia sẻ những điều mình tâm đắc, thì thời gian trôi qua nhanh lắm, bác cũng không để ý. Được nhìn thấy sự hào hứng, sự ngộ ra trong ánh mắt của cháu khi nghe những điều này, với bác cũng là một niềm vui.

(Bác đứng dậy, khẽ vươn vai.)

Đúng là trời đã tối hẳn rồi. Những câu chuyện, những chiêm nghiệm này kể ra thì còn nhiều lắm, không thể một sớm một chiều mà nói hết được. Hôm nay, chúng ta cũng đã trò chuyện được khá nhiều điều. Từ những kỳ ngộ trên đường, những lời từ chối đầy ẩn ý, đến những nguy cơ lầm đường và cả những tầng nghĩa sâu xa trong kinh sách cổ.

Có lẽ, chúng ta nên tạm dừng ở đây, để cả hai cùng có thời gian nghỉ ngơi, suy ngẫm. Mai, nếu cháu vẫn muốn nghe, bác sẽ kể tiếp về những năm tháng cuối cùng của hành trình ba mươi năm đó, và cơ duyên đưa đẩy bác đến với Đại Pháp chân chính mà bác hằng tìm kiếm.

(Bác nhìn Avery với ánh mắt ấm áp, khích lệ.)

Những gì chúng ta trao đổi hôm nay, cháu cứ từ từ chiêm nghiệm. Tuổi trẻ của các cháu có nhiều điều kiện tiếp xúc thông tin, nhưng cái quan trọng là phải biết gạn lọc, biết tìm ra cái cốt lõi, cái chân thật đằng sau những lớp vỏ bề ngoài. Và đôi khi, những điều cổ xưa lại ẩn chứa những trí tuệ vượt thời gian.

Thôi, cháu chuẩn bị về đi kẻo muộn. Đường núi ban đêm, dù quen, cũng nên cẩn thận.

(Bác tiễn Avery ra đến thềm cửa, không khí mát lạnh của đêm núi tràn vào, mang theo hương của cỏ cây và sự tĩnh lặng của đất trời.)

**AL:**

Vâng, cảm ơn bác, cháu rất vui nghi được nghe bác chia sẻ... Vậy hẹn gặp lại bác vào ngày mai!